

Dự thảo 2

THÔNG TƯ
Hướng dẫn việc kiểm tra an toàn thực phẩm
hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 9 tháng 4 năm 2014 hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và Thủy sản, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này qui định phương thức và trình tự, thủ tục đăng ký kiểm tra an toàn thực phẩm (ATTP) đối với hàng hóa có nguồn gốc thực vật dùng làm thực phẩm (sau đây gọi tắt là hàng hóa) nhập khẩu vào Việt Nam thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; trách nhiệm và quyền hạn của các bên có liên quan;

2. Hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 9 tháng 4 năm 2014 hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

3. Thông tư này không điều chỉnh các nội dung, quy định liên quan đến hoạt động kiểm dịch thực vật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động liên quan đến sản xuất kinh doanh hàng hóa có nguồn gốc thực vật dùng làm thực phẩm nhập khẩu vào Việt Nam thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Những hàng hóa nhập khẩu không thuộc diện phải kiểm tra ATTP

1. Hàng hóa mang theo người để tiêu dùng cá nhân trong định mức được miễn thuế nhập khẩu;
2. Hàng hóa trong túi ngoại giao, túi lãnh sự;
3. Hàng hóa quá cảnh, chuyển khẩu; tạm nhập, tái xuất;
4. Hàng hóa gửi kho ngoại quan;
5. Hàng hóa là mẫu thử nghiệm, nghiên cứu;
6. Hàng hóa là mẫu trưng bày hội chợ, triển lãm.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Lô hàng nhập khẩu*: Là lượng hàng hóa nhập khẩu được đăng ký kiểm tra một lần;
2. *Lô hàng kiểm tra*: Là lượng hàng hóa cùng loại, cùng nước xuất xứ, của cùng một chủ hàng và được đăng ký kiểm tra một lần;
3. *Vi phạm qui định ATTP*: Hàng hóa bị phát hiện không đúng chủng loại, nguồn gốc xuất xứ như đã khai báo hoặc có dấu hiệu bị hư hỏng, nhiễm các tạp chất có nguy cơ gây mất ATTP; hàng hóa bị phát hiện có tồn dư hóa chất, ô nhiễm vi sinh vượt quá giới hạn cho phép theo quy định.
4. *Vi phạm nghiêm trọng quy định ATTP*: Hàng hóa bị phát hiện vi phạm qui định ATTP có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe người sử dụng.
5. *Tần suất lấy mẫu lô hàng*: Là tỉ lệ phần trăm lô hàng được lấy mẫu kiểm nghiệm trên tổng số các lô hàng kiểm tra nhập khẩu trong phạm vi toàn quốc.

Điều 5. Căn cứ kiểm tra

1. Các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, quy định quốc tế về ATTP.
2. Trường hợp Việt Nam có ký kết Hiệp định, thỏa thuận song phương về ATTP với nước xuất khẩu thì tuân thủ theo các Hiệp định, thỏa thuận song phương mà Việt Nam đã ký kết.

Điều 6. Chỉ tiêu kiểm tra

Các chỉ tiêu về ATTP phải kiểm nghiệm căn cứ vào lịch sử tuân thủ quy định của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu; tình hình thực tế về nguy cơ gây mất an toàn thực phẩm từ nơi sản xuất, nước sản xuất; tình hình thực tế lô hàng và hồ sơ kèm theo;

đồng thời dựa trên Danh mục các chỉ tiêu ATTP và mức giới hạn tối đa cho phép theo qui định hiện hành về ATTP của Việt Nam.

Điều 7. Cơ quan kiểm tra giám sát

1. Cơ quan kiểm tra tại cửa khẩu hoặc nơi tập kết: Các đơn vị thuộc Cục Bảo vệ thực vật hoặc được Cục Bảo vệ thực vật ủy quyền.
2. Cơ quan kiểm tra giám sát hàng hóa lưu thông trên thị trường theo phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao nhiệm vụ.
3. Cơ quan kiểm tra ATTP tại nước xuất khẩu: Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thuỷ sản chủ trì, phối hợp với Cục Bảo vệ thực vật và các cơ quan có liên quan.

Điều 8. Phí, lệ phí và kinh phí triển khai kiểm tra giám sát về ATTP.

1. Cơ quan kiểm tra thực hiện thu phí, lệ phí theo qui định hiện hành của Bộ Tài chính.
2. Kinh phí đi kiểm tra tại nước xuất khẩu do ngân sách nhà nước cấp. Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thuỷ sản có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Cục Bảo vệ thực vật dự trù kinh phí đi kiểm tra tại nước xuất khẩu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;
3. Kinh phí kiểm tra giám sát sản phẩm hàng hóa lưu thông trên thị trường do ngân sách nhà nước cấp trong khuôn khổ chương trình giám sát được quy định tại Thông tư số 05/2010/TT-BNNPTNT ngày 22/01/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc kiểm tra, giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm nông sản trước khi đưa ra thị trường hoặc từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác;
4. Kinh phí thực hiện việc kiểm tra ATTP hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu đối với nội dung không được thu phí, lệ phí do Cơ quan thực hiện kiểm tra lập kế hoạch, dự trù kinh phí trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài Chính phê duyệt và giao dự toán từ nguồn sự nghiệp kinh tế để thực hiện.

Chương II PHƯƠNG THỨC KIỂM TRA AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 9. Phương thức kiểm tra thông thường

1. Bước 1: Đăng ký của nước xuất khẩu

a) Cơ quan có thẩm quyền về ATTP của nước xuất khẩu đối với hàng hóa có nguồn gốc thực vật dùng làm thực phẩm (Sau đây gọi là Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu) hoàn thiện và gửi hồ sơ đăng ký tới Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thuỷ sản để được thẩm tra công nhận đáp ứng các quy định về ATTP của Việt Nam và đưa vào Danh sách các nước được xuất khẩu hàng hóa vào Việt Nam.

b) Thủ tục đăng ký, thẩm tra công nhận đáp ứng các quy định về đảm bảo ATTP của Việt Nam và đưa vào Danh sách các nước được xuất khẩu hàng hóa vào Việt Nam được quy định tại Chương III của Thông tư này;

c) Không áp dụng Bước 1 đối với các trường hợp nhập khẩu hàng hóa đã qua chế biến bao gói sẵn đã được cấp giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc giấy xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP và nhập khẩu hàng hóa dùng làm nguyên liệu gia công, chế biến để xuất khẩu.

2. Bước 2: Kiểm tra lô hàng nhập khẩu:

a) Tại cửa khẩu hoặc nơi tập kết, thực hiện kiểm tra hồ sơ, ngoại quan và lấy mẫu (nếu có); tần suất lấy mẫu kiểm nghiệm lô hàng kiểm tra tối đa 10% tùy theo mức độ rủi ro của hàng hóa;

b) Trường hợp phát hiện 01 (một) lô hàng kiểm tra nhập khẩu vi phạm quy định về an toàn thực phẩm sẽ áp dụng phương thức kiểm tra chặt đối với lô hàng kiểm tra kế tiếp theo quy định tại Điều 10 Thông tư này;

c) Trình tự, thủ tục kiểm tra ATTP lô hàng nhập khẩu được quy định tại Chương IV của Thông tư này.

3. Bước 3: Giám sát hàng hóa sau thông quan:

Hàng hóa nhập khẩu sau thông quan phải chịu sự giám sát bởi các cơ quan liên quan theo quy định tại Điều 19 Thông tư này.

Điều 10. Phương thức kiểm tra chặt

Phương thức kiểm tra chặt áp dụng đối với trường hợp quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 9 của Thông tư này. Việc kiểm tra lô hàng nhập khẩu theo phương thức này được thực hiện như sau:

1. Tại cửa khẩu hoặc nơi tập kết, lô hàng nhập khẩu được kiểm tra hồ sơ, kiểm tra ngoại quan; lấy mẫu kiểm nghiệm theo tần suất là 30% (số lô hàng kiểm tra của chủ hàng có lô hàng bị phát hiện vi phạm). Trường hợp phát hiện từ 01 (một) lô hàng kiểm tra kế tiếp vi phạm quy định về ATTP thì áp dụng tần suất lấy mẫu kiểm nghiệm lô hàng kiểm tra nhập khẩu là 100%; Trường hợp kết quả kiểm nghiệm mẫu 03 (ba) lô hàng kiểm tra liên tiếp đạt yêu cầu thì sẽ áp dụng phương thức kiểm tra thông thường;

2. Các lô hàng kiểm tra nhập khẩu theo phương thức quy định tại điều này (có lấy mẫu kiểm nghiệm) phải được lưu giữ tại cửa khẩu, nơi tập kết hoặc kho bảo quản trong thời gian chờ kết quả phân tích theo yêu cầu của Cơ quan kiểm tra

3. Trình tự, thủ tục đăng ký, kiểm tra ATTP lô hàng nhập khẩu được quy định tại Chương IV của Thông tư này.

4. Lô hàng nhập khẩu phải chịu sự giám sát sau thông quan bởi các cơ quan liên quan theo quy định tại Điều 19 của Thông tư này. Trường hợp phát hiện hàng hóa vi phạm quy định về ATTP sẽ thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21 của Thông tư này.

Điều 11. Phương thức kiểm tra giảm

1. Áp dụng đối với các trường hợp được quy định tại khoản 2, Điều 39 của Luật An toàn thực phẩm và Điều 15 Nghị định số 38/2012/NĐ-CP.

2. Trình tự, thủ tục đăng ký, kiểm tra ATTP lô hàng nhập khẩu và tần suất lấy mẫu kiểm nghiệm lô hàng kiểm tra thực hiện theo quy định trong Thỏa thuận thura nhận lẫn nhau về quản lý, kiểm soát an toàn thực phẩm được ký giữa Việt Nam và nước xuất khẩu.

Điều 12. Thông quan hàng hóa

Hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam phải được kiểm tra, giám sát theo quy định và chỉ được thông quan khi có Chứng nhận kiểm tra ATTP do Cơ quan kiểm tra cấp theo mẫu quy định tại phụ lục 5 của Thông tư này.

Chương III

ĐĂNG KÝ CỦA NƯỚC XUẤT KHẨU VÀ KIỂM TRA TẠI NƯỚC XUẤT KHẨU

Điều 13. Hồ sơ đăng ký của nước xuất khẩu

Cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu gửi bản gốc hồ sơ đăng ký bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt về Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản (Gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện) bao gồm:

1. Thông tin về hệ thống quản lý và năng lực của Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu về kiểm soát ATTP theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này;
2. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật, chất điều hòa sinh trưởng, chất bảo quản sử dụng trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này;
3. Chương trình giám sát ATTP cập nhật hàng năm của nước xuất khẩu đối với hàng hóa trong quá trình sản xuất, kinh doanh trong nước và xuất khẩu.

Điều 14. Thẩm tra hồ sơ đăng ký

1. Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thuỷ sản chủ trì, phối hợp với Cục Bảo vệ thực vật thực hiện thẩm tra hồ sơ đăng ký nêu tại Điều 13 của Thông tư này;

2. Trường hợp kết quả thẩm tra hồ sơ đáp ứng đầy đủ các quy định ATTP của Việt Nam, Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thuỷ sản công nhận và cập nhật vào Danh sách các nước được xuất khẩu hàng hóa vào Việt Nam trên website của Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (www.nafiqad.gov.vn);

3. Trường hợp kết quả thẩm tra hồ sơ chưa đáp ứng đầy đủ các quy định ATTP của Việt Nam, Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thuỷ sản thông báo bằng văn bản cho Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu yêu cầu bổ sung thông tin hoàn tất hồ sơ theo quy định.

Điều 15. Kiểm tra tại nước xuất khẩu

1. Trong trường hợp cần thiết, Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thuỷ sản chủ trì, phối hợp với Cục Bảo vệ thực vật xây dựng kế hoạch kiểm tra; thông báo và phối hợp với Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu thực hiện kiểm

tra hệ thống kiểm soát ATTP và điều kiện bảo đảm ATTP của cơ sở sản xuất hàng hóa xuất khẩu vào Việt Nam;

2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt kiểm tra tại nước xuất khẩu, Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thuỷ sản chủ trì, phối hợp với Cục Bảo vệ thực vật xử lý kết quả kiểm tra và công bố báo cáo kết quả kiểm tra. Báo cáo nêu rõ lý do cụ thể những trường hợp chưa được phép xuất khẩu hàng hóa vào Việt Nam nếu kết quả kiểm tra chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định.

Chương IV **ĐĂNG KÝ, KIỂM TRA AN TOÀN THỰC PHẨM** **LÔ HÀNG NHẬP KHẨU**

Điều 16. Đăng ký kiểm tra lô hàng nhập khẩu

Chủ hàng thực hiện đăng ký kiểm tra về ATTP với cơ quan kiểm tra tại cửa khẩu. Hồ sơ đăng ký kiểm tra bao gồm:

1. Giấy đăng ký kiểm tra ATTP (theo mẫu qui định tại Phụ lục 3);
2. Đôi với hàng hóa nhập khẩu có chứa thành phần biến đổi gen hoặc đã qua chiết xạ:

Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp theo quy định tại Thông tư 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 1 tháng 11 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc quy định Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 17. Nội dung kiểm tra

1. Kiểm tra hồ sơ: Cơ quan kiểm tra thực hiện xem xét hồ sơ đăng ký (nguồn gốc xuất xứ, lịch sử tuân thủ các qui định về ATTP của chủ hàng, cơ sở sản xuất; các quy định đối với thực phẩm biến đổi gien, thực phẩm đã qua chiết xạ và các quy định khác có liên quan);

2. Kiểm tra ngoại quan: Cơ quan kiểm tra thực hiện kiểm tra tình trạng bao gói, ghi nhãn khi hàng đến cửa khẩu; kiểm tra sự phù hợp với nội dung khai báo và các dấu hiệu bất thường có nguy cơ mất an toàn thực phẩm;

3. Lấy mẫu kiểm nghiệm:

a) Cơ quan kiểm tra thực hiện lấy mẫu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP tại địa điểm đã được đăng ký theo phương thức quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Thông tư này;

b) Việc lấy mẫu kiểm nghiệm phải đảm bảo tính đại diện cho các sản phẩm nhập khẩu và được thực hiện bất kỳ trong số các lô hàng kiểm tra nhập khẩu.

4. Thực hiện lập biên bản kiểm tra và lấy mẫu theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này.

Điều 18. Cấp chứng nhận kiểm tra ATTP

1. Cấp chứng nhận kiểm tra ATTP cho các lô hàng nhập khẩu như sau:

a) Đối với lô hàng đang áp dụng phương thức kiểm tra thông thường hoặc lô hàng đang áp dụng phương thức kiểm tra chặt (trường hợp không lấy mẫu kiểm nghiệm): Có kết quả kiểm tra ngoại quan đáp ứng yêu cầu trong thời gian không quá 01 (một) ngày làm việc kể từ khi hàng đến cửa khẩu;

b) Đối với lô hàng đang áp dụng hình thức kiểm tra chặt (có lấy mẫu kiểm nghiệm): Có kết quả kiểm tra ngoại quan và kiểm nghiệm mẫu đạt yêu cầu trong thời gian không quá 01 (một) ngày làm việc sau khi có kết quả phân tích đạt yêu cầu của phòng kiểm nghiệm được chỉ định.

2. Thông báo lô hàng không đạt yêu cầu ATTP (theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 của Thông tư này) trong thời gian không quá 01 (một) ngày làm việc sau khi có kết quả kiểm tra lô hàng không đạt yêu cầu.

3. Thời gian từ khi lấy mẫu, gửi mẫu, kiểm nghiệm và trả lời kết quả tối đa không quá 10 ngày làm việc.

Điều 19. Nội dung kiểm tra giám sát hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên thị trường

1. Kiểm tra điều kiện bảo quản, bao bì, nhãn mác (nếu có) của hàng hóa lưu thông trên thị trường theo quy định tại khoản 2, Điều 7 của Thông tư này;

2. Kiểm tra thông tin, nguồn gốc xuất xứ lô hàng nhập khẩu;

3. Lấy mẫu hàng hóa gửi cơ quan kiểm nghiệm được chỉ định phân tích chỉ tiêu ATTP khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm hoặc khi có nghi ngờ về ATTP hoặc khi có yêu cầu của các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý lô hàng vi phạm theo quy định của Thông tư số 74/2011/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2011 quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm nông lâm sản không bảo đảm an toàn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chương V BIỆN PHÁP XỬ LÝ VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 20. Đối với lô hàng nhập khẩu

1. Buộc tái xuất đối với lô hàng vi phạm nghiêm trọng quy định về ATTP;

2. Buộc tiêu hủy đối với lô hàng vi phạm nghiêm trọng quy định về ATTP không có khả năng tái xuất;

3. Thông báo cho cơ quan thẩm quyền về ATTP của nước xuất khẩu đề nghị phối hợp điều tra nguyên nhân và đưa ra các biện pháp khắc phục phù hợp;

4. Thông báo và phối hợp với các cơ quan chức năng trong nước có liên quan yêu cầu chủ hàng nhập khẩu triệu hồi, xử lý và giám sát quá trình xử lý lô hàng vi phạm nghiêm trọng quy định ATTP.

Điều 21. Đối với nước xuất khẩu

1. Tạm thời đình chỉ nhập khẩu hàng hóa từ nước xuất khẩu trong trường hợp kết quả kiểm tra theo quy định tại Điều 15 cho thấy hệ thống kiểm soát ATTP của nước xuất khẩu chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định;

2. Chỉ được xuất khẩu trở lại hàng hóa vào Việt Nam khi kết quả kiểm tra giám sát sau đó cho thấy Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu đã đưa ra biện pháp kiểm soát ATTP đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định.

Chương VI TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

Điều 22. Trách nhiệm của cơ quan kiểm tra

1. Cơ quan kiểm tra tại cửa khẩu hoặc nơi tập kết:

a) Thực hiện kiểm tra và cấp chứng nhận kiểm tra ATTP hoặc Thông báo lô hàng không đạt yêu cầu ATTP đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Chương III của Thông tư này;

b) Thông báo chính xác, khách quan và trung thực; tuân thủ chặt chẽ quy trình kiểm tra, lấy mẫu sản phẩm hàng hóa theo quy định để thẩm tra khi có yêu cầu;

c) Phối hợp với cơ quan Hải quan kiểm tra hàng hóa nhập khẩu, xử lý và giám sát quá trình xử lý các trường hợp vi phạm quy định về ATTP;

d) Trong thời gian 01 (một) ngày làm việc kể từ khi phát hiện các trường hợp lô hàng nhập khẩu vi phạm quy định về ATTP, thực hiện thông báo về Cục Bảo vệ thực vật để tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Qua Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản);

e) Thu phí, lệ phí theo quy định.

2. Cơ quan kiểm tra giám sát hàng hóa lưu thông trên thị trường theo phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Thực hiện kiểm tra giám sát ATTP đối với hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên địa bàn theo qui định tại Điều 19 của Thông tư này;

b) Thông báo kịp thời với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trường hợp hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên địa bàn vi phạm qui định về ATTP;

c) Thực hiện truy xuất nguồn gốc, triệu hồi và xử lý lô hàng nhập khẩu không bảo đảm ATTP theo quy định của Thông tư số 74/2011/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2011 khi nhận được thông báo lô hàng vi phạm nghiêm trọng quy định ATTP;

3. Cơ quan kiểm tra ATTP tại nước xuất khẩu:

a) Xây dựng kế hoạch kiểm tra và thực hiện việc kiểm tra ATTP tại nước xuất khẩu sau khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quyết định thành lập đoàn kiểm tra;

b) Phối hợp với Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu triển khai các nội dung kiểm tra;

c) Báo cáo kết quả kiểm tra với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc đợt kiểm tra tại nước xuất khẩu;

d) Thông báo kết quả kiểm tra với Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu theo quy định tại Điều 15 của Thông tư này.

Điều 23. Quyền hạn của cơ quan kiểm tra

1. Yêu cầu chủ hàng cung cấp tài liệu, hồ sơ liên quan để phục vụ công tác kiểm tra;
2. Tiến hành kiểm tra, lấy mẫu hàng hóa nhập khẩu theo phương thức và trình tự thủ tục được quy định tại Thông tư này;
3. Quyết định biện pháp xử lý và giám sát việc xử lý các lô hàng không đạt yêu cầu nhập khẩu.

Điều 24. Trách nhiệm của chủ hàng nhập khẩu

1. Chỉ được nhập khẩu hàng hóa theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c, Khoản 1, Điều 18 của Thông tư này; hàng hóa nhập khẩu phải được bao gói hoặc chứa đựng trong các phương tiện phù hợp; ghi nhãn theo quy định của pháp luật hiện hành về ghi nhãn hàng hóa.
2. Thực hiện đăng ký kiểm tra về ATTP theo quy định tại Điều 16 của Thông tư này;
3. Tạo điều kiện để cán bộ của Cơ quan kiểm tra thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, lấy mẫu kiểm nghiệm và giám sát hàng hóa theo qui định;
4. Cung cấp đầy đủ hồ sơ, mẫu vật liên quan để phục vụ công tác kiểm tra, truy xuất nguồn gốc;
5. Chấp hành quyết định xử lý và chịu sự giám sát của Cơ quan có thẩm quyền;
6. Thực hiện truy xuất nguồn gốc, triệu hồi và xử lý lô hàng nhập khẩu không bảo đảm ATTP theo quy định của Thông tư số 74/2011/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2011 khi nhận được thông báo lô hàng vi phạm nghiêm trọng quy định ATTP;
7. Nộp phí và lệ phí kiểm tra, kiểm nghiệm theo qui định hiện hành của Bộ Tài chính và thanh toán các khoản chi phí thực tế trong việc xử lý lô hàng không đạt yêu cầu ATTP;
8. Tự chịu trách nhiệm bảo quản hàng hóa nhập khẩu trong thời gian chờ kết luận kiểm tra lô hàng hoặc chờ quyết định xử lý của Cơ quan có thẩm quyền.

Điều 25. Quyền hạn của chủ hàng nhập khẩu

1. Được đề nghị cơ quan kiểm tra xem xét lại kết quả kiểm tra hoặc yêu cầu tái kiểm tra;
2. Được quyền khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản

1. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký xuất khẩu hàng hóa vào Việt Nam từ Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu; trao đổi thông tin, thông báo kế hoạch kiểm tra (khi cần thiết) với Cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu và trình Bộ ban hành quyết định thành lập đoàn kiểm tra của Việt Nam sang kiểm tra tại nước xuất khẩu;

2. Chủ trì, phối hợp với Cục Bảo vệ thực vật:

- a) Thực hiện công bố danh sách các nước đã được Việt Nam đánh giá thừa nhận lẫn nhau; công bố danh sách các nước đã được Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về đảm bảo ATTP hàng hóa theo quy định của Việt Nam; thông báo cho Cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu về lô hàng không bảo đảm ATTP và đề nghị phối hợp điều tra nguyên nhân và đưa ra các biện pháp khắc phục phù hợp;
- b) Thực hiện kiểm tra đối với hệ thống kiểm soát ATTP và điều kiện bảo đảm ATTP của cơ sở sản xuất hàng hóa tại nước xuất khẩu;
- c) Tổ chức thực hiện truy xuất nguồn gốc, triệu hồi và xử lý lô hàng nhập khẩu vi phạm nghiêm trọng quy định ATTP;
- d) Báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định việc tạm thời đình chỉ nước nhập khẩu hoặc cho phép xuất khẩu trở lại theo nội dung quy định tại Điều 21 của Thông tư này.

3. Hàng năm, hoặc đột xuất (khi có yêu cầu), báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình kiểm tra ATTP đối với hàng hóa nhập khẩu;

4. Hàng năm, xây dựng kế hoạch, dự toán và quyết toán kinh phí (do ngân sách nhà nước cấp) cho việc thực hiện kiểm tra ATTP đối với nước xuất khẩu và hàng hóa nhập khẩu theo phân công đối với các nội dung không được thu phí, lệ phí; tổng hợp chung vào dự toán, quyết toán hàng năm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định tại Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 27. Cục Bảo vệ thực vật

1. Chỉ đạo và giám sát các đơn vị trực thuộc hoặc ủy quyền:
 - a) Thực hiện kiểm tra và cấp Chứng nhận kiểm tra ATTP, hoặc thông báo những trường hợp lô hàng nhập khẩu không đạt yêu cầu ATTP;
 - b) Phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý các lô hàng không bảo đảm ATTP và giám sát quá trình thực hiện.
2. Hướng dẫn các đơn vị được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát ATTP hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên thị trường;
3. Báo cáo kịp thời bằng văn bản về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản) ngay khi có lô hàng nhập khẩu vi phạm quy định ATTP để phối hợp tổ chức truy xuất, triệu hồi, xử lý lô hàng vi phạm nghiêm trọng quy định ATTP và thông tin cảnh báo cho Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu.

Hàng năm, hoặc đột xuất (khi có yêu cầu), báo cáo tình hình kiểm tra ATTP hàng hóa nhập khẩu về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản);

4. Phối hợp với Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản triển khai các hoạt động quy định tại khoản 2, Điều 26 của Thông tư này;

5. Hàng năm, xây dựng kế hoạch, dự toán và quyết toán kinh phí (do ngân sách nhà nước cấp) cho việc thực hiện kiểm tra ATTP đối với hàng hóa nhập khẩu theo phân công đối với các nội dung không được thu phí, lệ phí; tổng hợp chung vào dự toán, quyết toán hàng năm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định tại Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 28. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc theo phân công thực hiện việc kiểm tra giám sát ATTP đối với hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên địa bàn;
2. Thông báo kịp thời với Cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản, Cục Bảo vệ thực vật trường hợp hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên địa bàn vi phạm qui định về ATTP;
3. Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức truy xuất, triệu hồi, xử lý các lô hàng không bảo đảm ATTP và giám sát quá trình thực hiện;
4. Hàng năm, hoặc đột xuất (khi có yêu cầu), gửi báo cáo kết quả kiểm tra giám sát ATTP đối với hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên địa bàn về Cục Bảo vệ thực vật để tổng hợp báo cáo Bộ;
5. Hàng năm, xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí cho việc thực hiện kiểm tra giám sát ATTP đối với hàng hóa nhập khẩu theo phân công trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, cấp kinh phí.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 1/11/2014;
2. Thông tư này thay thế Thông tư số 13/2011/TT-BNNPTNT ngày 16/3/2011, Thông tư 05/2013/TT-BNNPTNT ngày 21/1/2013 và Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BNNPTNT ngày 19/12/2013 thông tư hướng dẫn việc kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu.

Điều 30. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản, Cục Bảo vệ thực vật) để xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

Noi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ;
- Công báo Chính phủ; Website Chính phủ;
- Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Bộ KH-CN;
- Tổng Cục Hải quan;
- Cục kiểm tra văn bản của Bộ Tư pháp;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc T.U;
- Các Tổng cục: Thủy sản, Lâm nghiệp;
- Các Cục, Vụ, Thanh tra, Văn phòng (Bộ NN&PTNT);
- Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc T.U;

BỘ TRƯỞNG

Cao Đức Phát

Phụ lục 1

Thông tin về hệ thống quản lý và năng lực của cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu về kiểm soát ATTP đối với hàng hóa có nguồn gốc thực vật (Ban hành kèm theo Thông tư số...của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Hệ thống tổ chức và bộ máy quản lý: (*Mô tả hệ thống tổ chức theo các cấp (các cơ quan liên bang/bang, trung ương/địa phương) kèm theo nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cấp/cơ quan trong kiểm soát ATTP đối với hàng hóa có nguồn gốc thực vật*).

.....
.....
.....

2. Cán bộ thực thi nhiệm vụ (*Nêu số lượng, phân loại trình độ chuyên môn, các khóa đào tạo về chuyên môn cho từng loại trình độ chuyên môn*)

.....
.....

3. Hệ thống các văn bản, tiêu chuẩn, quy trình kiểm soát và chứng nhận ATTP đối với hàng hóa có nguồn gốc thực vật:

(Nêu tên các văn bản, tiêu chuẩn, quy trình kiểm soát và chứng nhận ATTP đối với hàng hóa có nguồn gốc thực vật)

.....
.....
.....

4. Hệ thống đăng ký, cấp phép, kiểm tra, giám sát việc sử dụng phụ gia, chất điều hòa sinh trưởng, bảo quản, thuốc bảo vệ thực vật; kiểm soát vi sinh vật gây bệnh; kim loại nặng; Nitrat; độc tố; chiểu xạ; biến đổi gen đối với hàng hóa có nguồn gốc thực vật trong quá trình sản xuất, lưu thông trong nước và xuất khẩu: (*Mô tả cách thức cơ quan thẩm quyền tổ chức kiểm tra, giám sát trong quá trình sản xuất, kinh doanh trong nước và xuất khẩu hàng hóa có nguồn gốc thực vật tuân thủ các quy định của Nhà nước về bảo đảm ATTP*).

.....
.....
.....

.....Ngàytháng...năm
Cơ quan thẩm quyền về ATTP của nước xuất khẩu
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 2

Danh mục thuốc bảo vệ thực vật, chất điều hòa sinh trưởng, chất bảo quản sử dụng trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa có nguồn gốc thực vật tại nước xuất khẩu

(Ban hành kèm theo Thông tư số ...của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Ghi chú: Khi có sự thay đổi về danh mục, cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản.

.....Ngàytháng...năm
Cơ quan thẩm quyền về ATTP của nước xuất khẩu
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số... của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....ngày.....tháng.....năm....

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH VÀ KIỂM TRA AN TOÀN THỰC PHẨM HÀNG HÓA CÓ NGUỒN GỐC THỰC VẬT NHẬP KHẨU (*)

Số:

Kính gửi:(**).....

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Số CMTND (đối với cá nhân)..... nơi cấp:..... ngày cấp:.....

Điện thoại:.....Fax/E-mail:.....

Đề nghị quý cơ quan kiểm dịch và kiểm tra an toàn thực phẩm (ATTP) lô hàng nhập khẩu sau: (***)

1. Tên hàng:Tên khoa học:

Cơ sở sản xuất:.....

Mã số (nếu có).....

Địa chỉ:

2. Số lượng và loại bao bì:

3. Trọng lượng tịnh:Trọng lượng cả bì

4. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (*L/C, TTr.*):

5. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

Địa chỉ:

6. Nước xuất khẩu:.....

7. Cửa khẩu xuất:

8. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu:

Địa chỉ:

9. Cửa khẩu nhập:

10. Phương tiện vận chuyển:

11. Mục đích sử dụng:

12 Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu (*nếu có*):

13. Địa điểm kiểm dịch và kiểm tra ATTP:

14. Thời gian kiểm dịch và kiểm tra ATTP:

15. Số bản giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và kiểm tra an toàn thực phẩm cần cấp:

Chúng tôi xin cam kết: Bảo đảm nguyên trạng hàng hóa nhập khẩu, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hóa ra lưu thông/sử dụng sau khi được quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và kiểm tra ATTP theo quy định(***)).

Tổ chức, cá nhân đăng ký
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Cơ quan Kiểm dịch và kiểm tra an toàn thực phẩm

Đóng ý đưa hàng hóa về địa điểm:
.....

để làm thủ tục kiểm dịch và kiểm tra ATTP
vào hồi...giờ, ngày...tháng...năm....

Hồ sơ:
 Đạt Không đạt Bổ sung thêm
Lý do không đạt:
Các hồ sơ cần bổ sung:
.....
Kết quả xem xét sau khi bổ sung:
Phương thức kiểm tra áp dụng cho lô hàng:
 Kiểm tra thông thường
 Kiểm tra chặt
 Kiểm tra giảm

Vào số số....., ngày....tháng....năm....

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Cơ quan Hải quan

(Trong trường hợp lô hàng không được nhập khẩu)

Lô hàng không được nhập khẩu vào Việt Nam vì lý do:.....

....., ngàytháng.... năm

Hải quan cửa khẩu.....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(*) Đăng ký theo mẫu này được thể hiện trên 2 mặt giấy khổ A4;

(**) Tên cơ quan kiểm dịch và kiểm tra an toàn thực phẩm;

(***) Phải có đủ các tiêu chí theo đúng thứ tự và khai các tiêu chí thích hợp đối với lô hàng;

(****) Cam kết này chỉ ghi khi đăng ký kiểm dịch và kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu;

Phụ lục 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số ... của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN:
CƠ QUAN KIỂM TRA:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN
KIỂM DỊCH, KIỂM TRA AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ LẤY MẪU**

Nơi kiểm tra :

Tôi :

Là cán bộ cơ quan kiểm tra:

Với sự có mặt của Ông, Bà :

Theo quy định của pháp luật về kiểm dịch thực vật và an toàn thực phẩm của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, đã tiến hành kiểm tra và lấy mẫu những hàng thực vật sau đây:

STT	Tên hàng thực vật	Khối lượng lô hàng	Số lượng	Nơi sản xuất, mã số (nếu có)	Mẫu trung bình đã lấy	
					Số lượng	Khối lượng

Kết quả kiểm tra và kết luận của cán bộ kiểm tra:

.....
.....
.....

Ông, Bàđã nhận số lượng mẫu ghi trong biên bản này.

Biên bản này được lập thành hai bản:

- Một do người có hàng giữ.
- Một do cán bộ kiểm tra giữ.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Đại diện hải quan, ga xe, hải cảng,
sân bay (nếu có)**
(ký tên)

Người có hàng
(ký tên)

Cán bộ kiểm tra
(ký tên)

Phụ lục 5

(Ban hành kèm theo Thông tư số của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày...tháng...năm.....

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH VÀ KIỂM TRA AN TOÀN THỰC PHẨM
HÀNG HÓA CÓ NGUỒN GỐC THỰC VẬT NHẬP KHẨU**

Số:

Cấp cho:

Địa chỉ:

Là chủ sở hữu (*hoặc người đại diện*) lô hàng sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Số lượng/trọng lượng	Phương tiện vận chuyển	Nơi đi	Nơi đến

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân nhập khẩu:.....

Nước xuất khẩu

Cơ sở sản xuất (Nếu có):..... Mã số (nếu có)..... :

Địa chỉ:.....

Cửa khẩu nhập.....

CHỨNG NHẬN

- Lô hàng trên đã được kiểm tra và chưa phát hiện dịch hại thuộc diện điều chỉnh của Việt Nam;
- Lô hàng đã được kiểm tra và phát hiện loài Là dịch hại thuộc diện điều chỉnh hoặc dịch hại lạ của Việt Nam; (*chữ nào không cần thì gạch đi*)
- Lô hàng trên có kết quả kiểm tra hồ sơ, ngoại quan đáp ứng yêu cầu về ATTP.
- Lô hàng có kết quả kiểm tra, kiểm nghiệm đáp ứng yêu cầu về ATTP.

Quy định một số điều kiện trong khi gửi và nhận hàng:

- Lô hàng được phép sử dụng tại địa điểm quy định trên;
- Báo ngay cho cơ quan KDTV/BVTV nơi gần nhất khi phát hiện dịch hại thuộc diện điều chỉnh của Việt Nam (*trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển, sử dụng ...*);
- Điều kiện khác:

Giấy này được cấp căn cứ vào:

- Giấy phép KDTV nhập khẩu số/KDTV ngày/...../.....
- Giấy đăng ký kiểm dịch và kiểm tra ATTP hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu;
- Giấy chứng nhận KDTV của nước xuất hàng;
- Kết quả kiểm tra, phân tích giám định trong phòng thí nghiệm KDTV;
- Dấu xử lý vật liệu đóng gói của nước xuất khẩu;
- Căn cứ khác:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: nghiêm cấm chở hàng đến địa điểm khác nếu không được phép của cơ quan kiểm dịch và kiểm tra an toàn thực phẩm.

Phụ lục 6

(Ban hành kèm theo Thông tư số của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Cơ quan kiểm tra:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Địa chỉ:

Điện thoại:



**THÔNG BÁO LÔ HÀNG KHÔNG ĐẠT YÊU CẦU
AN TOÀN THỰC PHẨM**

Số:

Chủ hàng nhập khẩu: Địa chỉ: Điện thoại: Fax:	Chủ hàng xuất khẩu: Địa chỉ: Điện thoại: Fax:
Tên hàng: Ký mã hiệu:	Số lượng: Khối lượng:
Cơ sở sản xuất (nếu có): Mã số (nếu có): Địa chỉ :	Mục đích sử dụng:
Số hợp đồng: Cửa khẩu xuất:	Số vận đơn: Cửa khẩu nhập:
Căn cứ kết quả kiểm tra, kiểm nghiệm số: ngày <i>(Tên Cơ quan kiểm tra, chứng nhận)</i> Thông báo lô hàng nêu trên, có giấy đăng ký kiểm tra số:, ngày: KHÔNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU AN TOÀN THỰC PHẨM	
Lý do:	
Các biện pháp yêu cầu Chủ hàng thực hiện:.....	Thời hạn hoàn thành:
<i>Ngày tháng năm</i> Đại diện của cơ quan kiểm tra <i>(ký tên, đóng dấu)</i>	